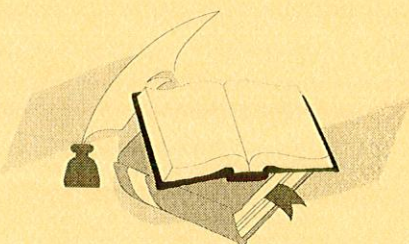


**CÔNG TY CP XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM (MECOFOOD)  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

*(Phụ lục số 04 Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



*Long An, ngày 12 tháng 03 năm 2020*

# MỤC LỤC

I. Thông tin chung .....	1
1.1. Thông tin khái quát .....	1
1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh: .....	2
1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:.....	2
1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty.....	2
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	2
1.3.1. Mô hình quản trị .....	2
1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý .....	3
1.4. Định hướng phát triển.....	4
1.5. Các rủi ro .....	4
II Tình hình hoạt động trong năm .....	5
2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.....	5
2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:.....	5
2.1.2- Mặt hàng lương thực: .....	6
2.1.3- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:.....	6
2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:.....	7
2.2. Tổ chức và nhân sự.....	7
2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty .....	7
2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành: .....	7
2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:.....	9
2.4. Tình hình tài chính:.....	9
2.4.1 Tình hình tài chính.....	9
2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính: .....	10
2.5. Cơ cấu cổ đông .....	10
2.5.1. Cổ phần .....	10
2.5.2. Cơ cấu cổ đông .....	10
2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty .....	11
(báo cáo phát triển bền vững) .....	11
2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	11
2.6.2. Tiêu thụ năng lượng.....	12
2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019).....	12
2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	12
2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	16
2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	16
III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc.....	17
3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	17
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	20
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:.....	20
4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc: .....	20
4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	21
5.1. Hội đồng quản trị .....	21
5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT .....	21
5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT .....	23
5.1.3. Hoạt động của HĐQT:.....	23

5.2. Ban kiểm soát .....	24
5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát: .....	24
Từ 12/06/2019 đến 31/12/2019.....	24
5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát .....	24
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. ....	25
5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):.....	25
5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ: .....	25
VI. Báo cáo tài chính .....	25
6.1. Kiểm toán độc lập.....	25
6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.....	26

## I. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Construction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sơ kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 14 ngày 27 tháng 07 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 107.778.380.000 đồng
- Địa chỉ: Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 02723.820509
- Số Fax: 02723.521252
- Email: info@mecofood.com.vn
- Website: www.mecofood.com.vn
- Mã cổ phiếu: MCF

### - Quá trình hình thành và phát triển

#### + Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch năm 2011: lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

Ngày 4/4/2018 tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu

Ngày 11/06/2018 vốn điều lệ công ty tăng từ 80.000.000.000 đồng lên 107.778.380.000 đồng và thực hiện niêm yết bổ sung lên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## **1.2. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh:**

### **1.2.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rom sấy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

### **1.2.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và các tỉnh thành lân cận.

## **1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.3.1. Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc công ty, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 01 thành viên độc lập.

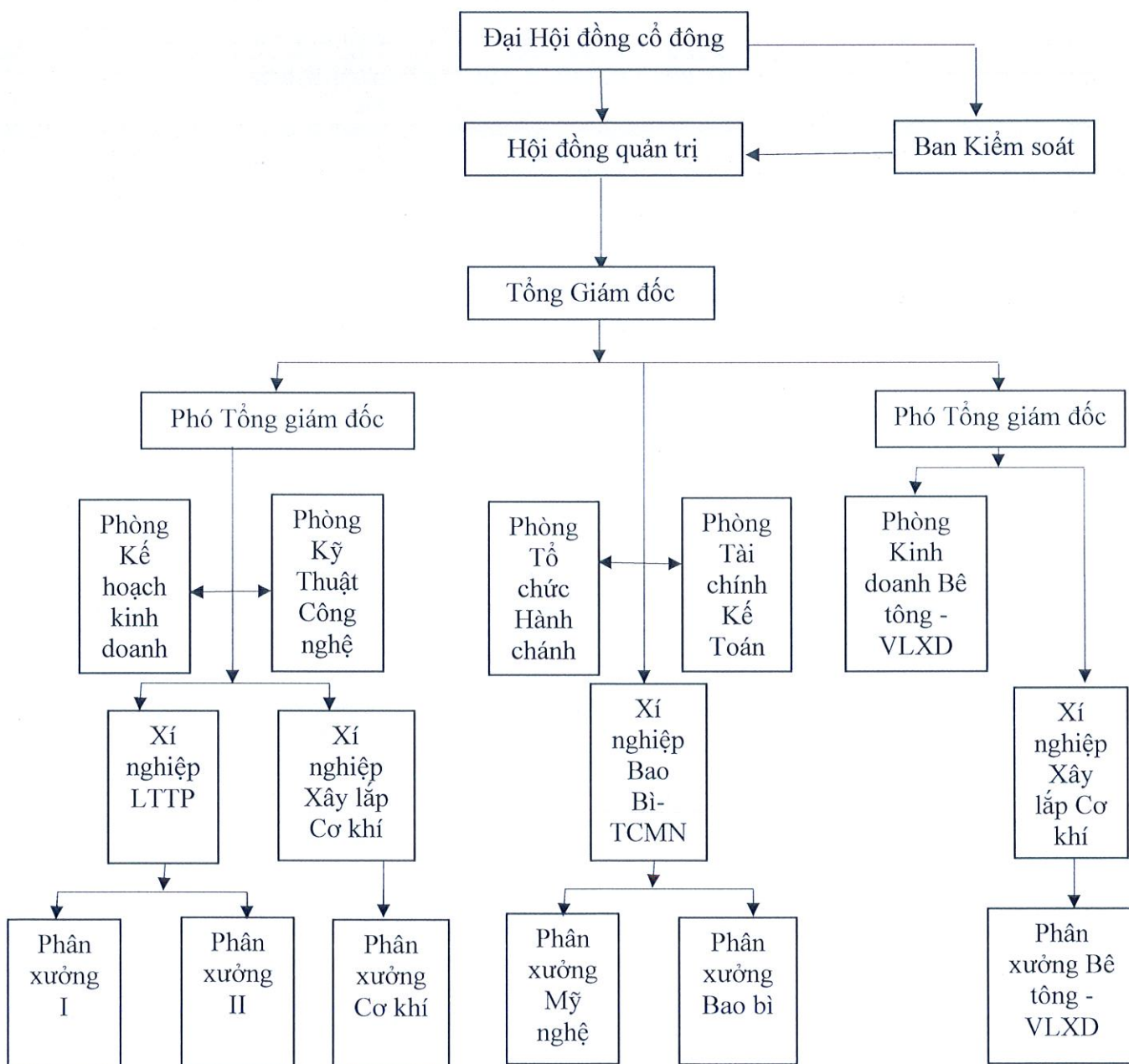
Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực

của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

### 1.3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



#### **1.4. Định hướng phát triển**

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2018, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.

Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

#### **1.5. Các rủi ro**

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khác hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

- Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## **II Tình hình hoạt động trong năm**

### **2.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019**

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

#### **2.1.1. Kết quả thực hiện các ngành hàng:**



STT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2019			So cùng kỳ 2018 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm (%)	
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>					
1	- Lương thực (quy gạo)	Tấn	34.000	28.207	82,90	71,70
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>					
1	-Lương thực bán ra	Tấn	34.000	24.471	72,00	63,70
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	10.000	6.373	38,03	65,63
	+ Gạo Nội địa	Tấn	24.000	18.098	75,41	57,39
2	-Bao bì	1000 cái	12.000	9.606	80,05	106,70
3	-Cơ khí	Tỉ đồng	20	33,299	166,50	189,60
4	-Bê tông - VLXD	m3	78.000	61.005	78,20	85,80
5	-Mỹ nghệ	Cont	24	24	100	82,76

**-Đánh giá từng mặt hàng**

**2.1.2- Mặt hàng lương thực:**

**Đối với xuất khẩu:** Trong năm 2019 sản lượng gạo xuất khẩu đạt 63,73% (6.373 tấn/10.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 92,98% (6.373 tấn/6.854 tấn) so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân do trong năm 2019 tình hình kinh doanh xuất khẩu lương thực diễn ra rất phức tạp, Công ty không có nhận được chỉ tiêu từ hợp đồng tập trung, hợp đồng xuất khẩu gạo trực tiếp do Công ty tự khai thác có sản lượng thấp. Mặc dù sản lượng xuất khẩu không đạt kế hoạch đề ra nhưng đây là ngành hàng mang lại lợi nhuận chính cho Công ty trong năm 2019.

**Đối với tiêu thụ nội địa:** Sản lượng gạo nội địa bán ra trong năm 2019 đạt 75,41% (18.098/24.000 tấn) so với kế hoạch và đạt 75,40% (18.098/31.536) tấn so với cùng kỳ, mặc dù sản lượng bán ra không đạt được như kế hoạch nhưng đây là ngành hàng mang lại hiệu quả lớn cho Công ty trong năm 2019.

**2.1.3- Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:**

**a)- Mặt hàng Bao bì:**

Bán ra được: 9,635 triệu chiếc, đạt 80,3% so KH và đạt 106,7% so với 2018.

Trong năm 2019 ngành hàng Bao bì kinh doanh không đạt về sản lượng và doanh thu theo kế hoạch đề ra, nguyên nhân do chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường và giá bán của các công ty cùng ngành nghề và phụ thuộc nhiều vào tình hình xuất khẩu gạo trong nước.

**b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:**

- Xuất khẩu được: 24 Con't, đạt 100% so KH năm và đạt 82,8% so 2018.

Mặt hàng này khó tăng sản lượng do đặc thù riêng là sản xuất chủ yếu bằng thủ công, theo thời vụ nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong thu tuyển và đào tạo tay nghề cho người lao động. Bên cạnh đó nguyên, nhiên liệu sản xuất (lúa non, rơm, điện..) liên tục tăng, đặc biệt riêng lúa non và rơm vàng ngày càng khan hiếm khó thu mua do tốc độ đô thị hóa nhanh và tình hình sản xuất lúa giá khá thấp nên nông dân chuyển sang trồng cây khác làm cho giá thành sản phẩm tăng trong khi đó giá bán không tăng

hiều. Trong năm 2019 tình hình sản xuất kinh doanh của ngành hàng Mỹ nghệ không mang lại hiệu quả.

#### **2.1.4- Mặt hàng Cơ khí – Bê tông-VLXD:**

##### **a)- Mặt hàng Cơ khí :**

- Doanh thu: 33,299 tỷ đồng, đạt 166,5% so với kế hoạch năm 2019 và đạt 189,6% so với năm 2018.

Trong năm 2019 tình hình sản xuất kinh doanh ngành hàng Cơ khí có những chuyển biến tích cực hơn năm trước, nguyên nhân trong năm 2019 Công ty ký được một số hợp đồng có giá trị lớn. Tuy nhiên đối với ngành hàng này dự báo còn nhiều khó khăn trong năm 2020.

##### **b)- Mặt hàng Bê tông - VLXD:**

- Tiêu thụ được: 61.005m<sup>3</sup>, đạt 78,2% so KH năm và đạt 85,8% so 2018.

Mặt hàng Bê tông tươi năm 2019 chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị trường tiêu thụ và giá bán, mặc dù không đạt được kế hoạch trong năm 2019 (61.005m<sup>3</sup>/78.000m<sup>3</sup>) nhưng đây là ngành hành mang lại lợi nhuận lớn góp phần vào lợi nhuận chung của toàn Công ty. Mặt hàng gạch không nung và cọc bê tông đang trong giai đoạn thâm nhập thị trường nên sản lượng bán ra chưa được nhiều như kỳ vọng nhưng góp phần quảng bá thương hiệu bê tông Mecofood

## **2.2. Tổ chức và nhân sự**

### **2.2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty**

+ Công ty gồm 5 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán, phòng Kinh doanh Bê Tông và phòng Tổ chức Hành chánh), 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ).

### **2.2.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành:**

**Từ 1/1/2019 đến 11/6/2019**

#### **\* Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964  
- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

#### **\* Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963  
- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An  
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

#### **\* Ông: Nguyễn Bình Hiển**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964  
- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

\* **Ông : Lê Hoàng Nhữ**

- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961

- Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

\* **Ông Lê Văn Lộc**

- Ngày tháng năm sinh: 1957

- Địa chỉ thường trú: 409 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 3, TP. Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

\* **Ông Nguyễn Văn Cho**

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967

- Địa chỉ thường trú: 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

\* **Bà Trần Thị Phụng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965

- Địa chỉ thường trú: 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**Từ 12/06/2019 đến 31/12/2019**

\* **Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964

- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

\* **Ông Lê Trường Sơn**

- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1963

- Địa chỉ thường trú: 168 QL1, P5, TP Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

\* **Ông: Nguyễn Bình Hiễn**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964

- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

\* **Bà : Nguyễn Thị Hoài**

- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1980

- Địa chỉ thường trú: Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc - Phường Đông Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổ trưởng tổ đại diện vốn Tổng công ty Lương thực Miền Nam tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông Võ Hùng Dũng**

- Ngày tháng năm sinh: 6/12/1979

- Địa chỉ thường trú: S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lức, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông Nguyễn Văn Cho**

- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1967

- Địa chỉ thường trú: 195D, Châu Thị Kim, P.7, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Bà Trần Thị Phượng**

- Ngày tháng năm sinh: 1965

- Địa chỉ thường trú: 83/10 Cử Luyện P5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực với những công trình đầu tư lớn như sau:

Tổng giá trị đầu tư đã thực hiện trong năm 2019: 700 triệu đồng, cụ thể:

**\* Mặt hàng lương thực.**

Thay cối xát CD60 316 triệu đồng

**\* Mặt hàng Xây lắp cơ khí.**

Đầu tư máy cán tol 340 triệu đồng, 1 máy cắt sắt 44 triệu đồng

**2.4. Tình hình tài chính:**

**2.4.1 Tình hình tài chính**

*DVT: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	175,125	181,107	3,42%
Doanh thu thuần	547,500	416,713	-23,88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,803	11,651	7,85%
Lợi nhuận khác	1,719	1,169	-32%
Lợi nhuận trước thuế	12,522	12,820	2,38%

Lợi nhuận sau thuế	10,011	10,225	2,14%
Tỉ lệ chia cổ tức	6,68%/VDL	6,8/VDL	1,80%

### 2.4.2. Các chỉ tiêu tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	- Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Lần	2,86	2,34	2,78	2,08	2,10
2	- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,12	0,76	1,06	0,79	0,64
3	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	25,29	30,03	21,46	32,82	34,38
4	- Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	%	33,86	42,92	27,22	48,85	34,38
5	- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,79	5	4,79	7,68	4,44
6	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ DT thuần	%	2,6	3,03	2,69	1,83	2,45
7	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH	%	10,32	10,87	8,47	8,51	5,65
8	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng TS	%	7,71	7,6	6,66	5,72	8,60
9	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	27,77	29,85	40,54	32,64	28,29
10	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	72,23	70,15	59,46	67,36	71,71
11	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	%	74,71	69,97	78,6	67,18	65,62
12	- Tỉ suất LN trước thuế/DT thuần	%	3,34	3,79	3,37	2,29	3,08

## 2.5. Cơ cấu cổ đông

### 2.5.1. Cổ phần

- Tên Cổ phiếu: MCF
- Tổng số cổ phiếu thường : 10.777.838 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 10.777.838 cổ phiếu
- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2019 dự kiến 6,8% trên vốn điều lệ 107.778.380.000 đồng.

### 2.5.2. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.  
Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (6.466.800CP),  
Cổ đông lớn AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited) 643.953CP chiếm 5,97%  
cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 34,03% vốn điều lệ (3.683.085CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.
- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:  
Cổ đông lớn là tổ chức:

+ Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần (Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 6.466.800 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ AFC Viet Nam Fund (AFC VF Limited), địa chỉ : 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman KY1-9007, Cayman Islands là cổ đông nắm giữ 643.953CP chiếm 5,97% vốn điều lệ

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

## 2.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty (báo cáo phát triển bền vững)

### 2.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm của Công ty:

- Nguyên, nhiên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng bao bì và thủ công mỹ nghệ như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Hạt nhựa nguyên sinh	883,7	Tấn
2	Lúa tươi	1.575,526	Tấn
3	Taical, hạt màu	263,934	Tấn
4	Rơm khô	149,319	Tấn
5	Dầu nhớt	9.195	Lít

- Nguyên vật liệu được sử dụng cho ngành hàng cơ khí, bê tông tươi và VLXD như sau:

STT	Nhu cầu sử dụng	Số lượng/năm	Đơn vị tính
1	Sắt	179,3	Tấn
2	Đá	46.506	m <sup>3</sup>
3	Cát	40.545	m <sup>3</sup>
4	Xi măng	19.994	Tấn
5	Dầu nhớt	4.295	lít

- Nguyên vật liệu chính dùng cho quá trình sản xuất gạo là gạo nguyên liệu khoảng 26.948 tấn/ năm

Nhiên liệu sử dụng chính trong sản xuất gạo là dầu nhớt dùng để bôi trơn máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt sử dụng khoảng 650 lít/ năm.

### b. Nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm

+ Ngành hàng bao bì: Sản phẩm bao bì dẹt lõi, rìa bao bì được gom lại bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng mỹ nghệ: Nguyên liệu chủ yếu là rơm khô và lúa tươi, nguyên liệu

đư thừa sản phẩm hỏng được gom lại bán cho các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Ngành hàng cơ khí bê tông và VLXD: Nguyên liệu dư thừa từ quá trình cắt gọt kim loại được gom lại và bán cho các cơ sở thu mua.

+ Ngành hàng lương thực: Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh nên ngành lương thực không có nguyên vật liệu được tái chế sử dụng.

### **2.6.2. Tiêu thụ năng lượng**

Nguồn năng lượng chủ yếu Công ty sử dụng là điện. Nguồn điện Công ty sử dụng từ lưới điện quốc gia trong năm 2019 công ty sử dụng cho sản xuất và hoạt động văn phòng khoảng 3.563.610 kw/năm

### **2.6.3. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019)**

#### **a. Xí nghiệp Bao bì và Thủ công Mỹ nghệ**

Hiện tại, nguồn nước xí nghiệp sử dụng lấy từ giếng khoan trong khuôn viên và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp với lưu lượng sử dụng trong năm 2019 là khoảng 962m<sup>3</sup>/năm.

#### **b. Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp. Nhu cầu sử dụng khoảng 13.600 m<sup>3</sup>/năm. chủ yếu là dùng để trộn bê tông tươi và một phần cho sinh hoạt hằng ngày của CBCNV Xí nghiệp.

#### **c. Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm**

Nguồn cung cấp nước của Xí nghiệp được lấy từ giếng khoan tại Xí nghiệp và nguồn nước do Công ty CP Cấp thoát nước Long An cung cấp. Nhu cầu sử dụng khoảng 2.584 m<sup>3</sup>/năm. Chủ yếu dùng sử dụng cho sinh hoạt vệ sinh hàng ngày của CBCNV của Xí nghiệp.

### **2.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty CP Xây Lắp – Cơ Khí và Lương Thực Thực Phẩm luôn chấp hành tốt Luật bảo vệ môi trường và các quy định Pháp Luật hiện hành. Hàng năm Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn môi trường tiến hành đo đạc, phân tích chất lượng môi trường tại các Xí nghiệp trực thuộc Công ty để kiểm soát ô nhiễm, khắc phục những thiếu sót và tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, tìm ra các giải pháp nhằm làm giảm thiểu ô nhiễm.

#### **a. Bụi, khí thải**

Lượng bụi và khí thải phát tán trong các Xí nghiệp ảnh hưởng nhiều đến công suất và sức khỏe của công nhân. Do đó, Công ty đã hạn chế tới mức thấp nhất các tác động của bụi đối với công nhân sản xuất và bảo đảm sức khỏe công nhân bằng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng theo đúng quy định nhà công nghiệp, đảm bảo độ thông thoáng cần thiết.

- Lắp đặt các hệ thống thông gió phù hợp cho nhà xưởng.
- Công nhân được trang bị bảo hộ lao động như: Bao tay, khẩu trang, nút chống ồn, dép nhựa, yếm che, nón bảo hộ...
- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân viên để hạn chế phát sinh bệnh nghề nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra việc quét dọn vệ sinh nhà xưởng.
- Khu vực đường nội bộ sẽ thường xuyên được làm vệ sinh và phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường.
- Các phương tiện giao thông khi lưu thông trong Xí nghiệp phải giảm tốc độ theo quy định và phải được che phủ cẩn thận.

### **b. Tiếng ồn, độ rung**

Mặc dù các nguồn phát sinh tiếng ồn trong hoạt động sản xuất của Công ty không nhiều, nhưng Công ty vẫn thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa mức gây ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân lao động:

- Tách riêng khu vực sản xuất với văn phòng.
- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy trong quá trình hoạt động, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn, đặc biệt đối với những bộ phận truyền động.
- Trong trường hợp máy móc có bộ phận rơ mòn, sẽ được nhân viên kỹ thuật thay thế và sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên đo đạc giám sát độ ồn của máy móc thiết bị để có biện pháp thay thế khắc phục kịp thời.
- Đúc móng máy đủ khối lượng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền.
- Kiểm tra độ mài mòn chi tiết, thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.
- Công nhân được trang bị đầy đủ nút chống ồn.
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân.

### **c. Các biện pháp khống chế nhiệt thừa**

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và đảm bảo điều kiện vi khí hậu tốt cho công nhân đứng máy, các Xí nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng mát đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với loại hình công nghệ sản xuất.
- Bố trí cửa thông thoáng gió xung quanh tường các xưởng sản xuất hoặc dùng quạt gió trực đứng để gia tăng vận tốc gió cục bộ trong phân xưởng.



- Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty (đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu 15% tổng diện tích mặt bằng).
- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết về an toàn lao động để hạn chế thấp nhất các tác hại đối với công nhân. Các trang phục này bao gồm quần áo và phương tiện bảo hộ lao động ( quần áo bảo hộ, giày bảo hộ, nón bảo hộ, yếm che, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn).

Tóm lại, việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải tạo môi trường vi khí hậu là một công tác khá quan trọng. Tình trạng xấu của môi trường vi khí hậu không chỉ ảnh hưởng tới công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm mà còn ảnh hưởng tới cường độ lao động của người công nhân sản xuất: điều kiện lao động nóng, bụi không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe mà còn ảnh hưởng tới năng suất lao động của họ.

#### **d. Biện pháp khống chế ô nhiễm do nước thải**

##### **Nước mưa chảy tràn**

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt đường giao thông nội bộ, sân, ... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

Nước mưa từ mái các nhà xưởng sẽ được thu gom vào các ống đứng bằng nhựa sau đó sẽ được xả vào hệ thống thoát nước mưa.

##### **Nước thải sinh hoạt**

Phát sinh chủ yếu từ nhu cầu sử dụng nước của CBNV như: vệ sinh cá nhân, rửa tay,... Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm dưới đất. Nước thải sau xử lý sẽ được lưu thông trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng rồi mới chuyển qua ngăn lọc và dẫn vào hệ thống chung của khu vực.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh các âu tiểu, nước tắm, rửa được thu gom và dẫn vào bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại 3 ngăn là loại bể chứa gồm 1, 2, 3 ngăn. Bể này có thể xử lý toàn bộ các loại nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể nó được làm sạch nhờ 2 quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn, sau đó chảy qua ngăn thứ 3 trước khi đến bể lắng, hố ga sau đó thoát ra cống thoát chung.

##### **Nước thải sản xuất**

Do đặc trưng của ngành nghề sản xuất nên hoạt động sản xuất của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất chỉ phát sinh lượng nước vệ sinh phân xưởng, tuy nhiên lượng nước thải này rất ít và phát sinh không thường xuyên, ngoại trừ ngành hàng sản xuất bê tông tươi của Công ty có phát sinh nước thải sản xuất nhưng được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường bên ngoài.

#### **e. Biện pháp khống chế ô nhiễm do chất thải rắn**

##### **Đối với chất thải rắn thông thường**

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường, Công ty đã áp dụng các

biện pháp quản lý sau:

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, chia làm 2 nhóm chính:
  - + Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng: các loại phế phẩm như bao bì, giấy carton, chai lọ, vỏ chai..)
  - + Nhóm các chất thải cần xử lý: Các chất thải hữu cơ dễ phân hủy như rau, thực phẩm dư thừa... được phân loại riêng để thu gom xử lý theo quy định. Các chất thải rắn khác không thể tái sử dụng được thu gom, quét dọn hằng ngày và lưu trữ đúng quy định;
- Công ty đã thường xuyên giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh chung cho tất cả các nhân viên, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường để thực hiện;
- Công ty đã đặt các thùng rác tại các khuôn viên xung quanh Công ty, tránh được tình trạng vứt rác bừa bãi;

Các loại chất thải rắn thải sinh hoạt phát sinh tại các Xí nghiệp và văn phòng Công ty đã được chúng tôi hợp đồng với Công ty Công trình Đô Thị thu gom, vận chuyển và xử lý.

#### **- Đối với chất thải rắn sản xuất**

Trong thời gian hoạt động xí nghiệp đã thực hiện các biện pháp để quản lý đối với chất thải rắn sản xuất như sau:

+ Rìu bao, dây nilon, chỉ may, kim loại vụn được thu gom và bán lại cho các cơ sở thu mua.

+ Rơm khô bỏ ra từ quá trình lựa lúa, cắt tỉa sản phẩm được thu gom bán các hộ dân chăn nuôi gia súc.

+ Lượng còn lại không bán được thì thu gom lại cùng với rác thải sinh hoạt

#### **- Đối với chất thải rắn nguy hại:**

Hình thức lưu trữ: Lưu trữ trong các thùng chứa kín có nắp đậy, gắn dấu hiệu cảnh báo và không để lẫn với chất thải khác.

Do khối lượng phát sinh chất thải nguy hại tại Công ty với khối lượng rất ít. Riêng đối với lượng bóng đèn huỳnh quang và giẻ lau dính dầu thải, Công ty sẽ tiến hành thu gom riêng, lưu trữ nơi riêng biệt có dán nhãn và định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành thuê đơn vị có chức năng vận chuyển thu gom, xử lý theo đúng quy định.

#### **f. Biện pháp phòng chống các sự cố môi trường**

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo cháy điện tử tự động, có phương án PCCC và tuân theo mọi quy định nghiêm ngặt về PCCC.

- Bố trí các dụng cụ: bình chữa cháy, các họng cứu hỏa, bể chứa nước... ở các vị trí hợp lý để ứng cứu kịp thời khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể nhằm đảm bảo an toàn lao động tuyệt đối cho người lao động, tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập cho công nhân của Công ty.

- Công ty cũng thành lập một đội PCCC gồm 5 tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển để ứng phó khi có tình huống cháy, nổ xảy ra.

- Bảo quản các nguyên vật liệu, sản phẩm an toàn, tránh xa nguồn có khả năng gây nổ.

- Kiểm tra biển báo, biển cấm lửa, hệ thống báo cháy tự động, nội quy PCCC.

- Lắp hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng.

Ngoài các biện pháp phòng chống cháy nổ như trên, Công ty cũng thực hiện các biện pháp sau để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo sức khỏe cho công nhân:

- Toàn thể công nhân được học tập về an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ an toàn lao động cho công nhân khi vận hành đặt biệt như: sửa chữa, bảo trì các thiết bị.

- Kiểm tra và theo dõi sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn của Bộ y tế.

- Khống chế các nguồn gây ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp.

#### **2.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

+ Tổng số CNV lao động là 359 người

+ Mức lương trung bình năm 2019 của Công ty là 7,743 triệu đồng/người/tháng

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm thân thể cho CBCNVLĐ; thực hiện chế độ trợ cấp độc hại cho công nhân làm việc trong môi trường độc hại, bệnh nghề nghiệp; chăm lo đời sống người lao động, phân phối tiền lương, tiền thưởng và tặng quà CNVC-LĐ nhân dịp Tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cấp Bảo hộ lao động trong toàn Công ty; Tổ chức tập huấn ATVSLĐ, ATVSTP, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đo môi trường lao động.

#### **2.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Ngoài công tác tập trung sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị cấp trên giao, trong năm 2019 Công ty luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức đoàn thể hoạt động

- Các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã tổ chức vận động và đóng góp để giúp nhau làm kinh tế phụ gia đình; Tổ chức thăm hỏi đoàn viên, CNVC-LĐ khi ốm đau, gia đình có hữu sự với tổng số tiền trong năm là 126,27 triệu đồng; tặng quà Tết cổ truyền cho CNVC-LĐ tổng số tiền là 165,112 triệu đồng; chi mua quà 8/3/2018 cho các chị em phụ nữ tổng số tiền là 55,5 triệu đồng, tổ chức tặng quà lễ 30/4/2019 và 01/5/2018 với tổng số tiền là 100,565 triệu đồng, tổ chức Tết Trung thu và ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 cho các cháu thiếu nhi 58,52 triệu đồng; Chi tặng quà nhân ngày 20/10 cho Công đoàn viên nữ 11,76 triệu đồng; chi cho toàn thể CNV - NLĐ tham quan nghỉ mát với số tiền 39,5 triệu đồng. Ngoài ra Công ty còn làm tốt công tác ủng hộ từ thiện, xã hội, đền ơn đáp nghĩa tại địa phương với tổng số tiền 16,5 triệu đồng, đồng thời đóng góp ủng hộ

quỹ tâm lòng vàng là 8,73 triệu đồng; được ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Long An kết hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh Long An trao tặng 01 căn nhà cho CDV - NLD của Công ty với số tiền là 40 triệu đồng; Hỗ trợ xét đơn xin vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ Người lao động không tính lãi cho 4 trường hợp vay 60 triệu đồng thời hạn là 20 tháng; trợ cấp cho 03 công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 9 triệu đồng.

### III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019			So cùng kỳ 2018(%)
			Kế hoạch	Thực hiện	So KH năm 2019 (%)	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520	418,284	80,45	76,1
2	Lợi nhuận Tr.thuế	Tỷ đồng	12,8	12,820	100,2	102,4
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	Theo quy định	5,671		109,4
4	Tiền lương b/q	Tr đồng	7,722	7,743	100,28	103,52

#### 3.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019 tình hình SXKD tiếp tục gặp nhiều khó khăn, do nền kinh tế trong nước còn đối mặt với những thách thức như giá xăng, dầu, điện, nước... liên tục được điều chỉnh, lạm phát có dấu hiệu gia tăng trở lại vào những tháng cuối năm làm ảnh hưởng đến tăng trưởng của nền kinh tế trong nước cũng như tác động không nhỏ đến các ngành hàng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình xuất khẩu gạo diễn biến hết sức trầm lắng do không hợp đồng tập trung, hợp đồng xuất khẩu trực tiếp do Công ty tự khai thác với số lượng bán tương đối thấp. Mặt hàng Thủ công Mỹ nghệ tuy nhu cầu của khách hàng tương đối lớn, nhưng việc thiếu hụt công nhân có tay nghề ngày càng nhiều, giá lúa non, rơm khô tăng và việc thu mua ngày càng khó do thiếu hụt lao động đã làm cho sản lượng và tiến độ giao hàng chưa đạt theo yêu cầu; mặt hàng Bê tông tươi thì cạnh tranh gay gắt về giá cả và thiếu lành mạnh về chất lượng bởi các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề. Ngành hàng bao bì chịu ảnh hưởng rất lớn từ thị trường xuất khẩu gạo trong nước. Mặt hàng Cơ khí trong năm 2019 có được những đơn hàng lớn nhưng lực lượng công nhân tại xưởng đã giảm nhiều, tạo áp lực rất lớn làm sao phải bảo đảm tiến độ công trình đã cam kết.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Ban điều hành Công ty luôn đoàn kết thống nhất vừa quyết liệt vừa linh hoạt, bám sát chủ trương định hướng của Tổng Công ty, của HĐQT Công ty, nỗ lực tìm mọi biện pháp để vượt qua khó khăn thách thức, chủ động phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu phần đầu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019

#### 3.2. Kế hoạch phát triển của Công ty trong năm 2020

+ Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	GHI CHÚ
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	520	
2	Lợi nhuận	Tỷ đồng	13,2	
3	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	4,492	
4	Tiền lương bình quân người LĐ	Tr đồng	7,792	

**+ Các chỉ tiêu mua vào bán ra:**

Stt	Diễn giải	ĐVT	KH 2020	GHI CHÚ
1	<b>- Lương thực mua vào quy gạo:</b>	<b>Tấn</b>	<b>31.000</b>	
	Trong đó : + Gạo các loại :	Tấn	30.250	
	+ Lúa các loại :	Tấn	1.500	
	<b>- Lương thực bán ra quy gạo</b>	<b>Tấn</b>	<b>31.000</b>	
	Trong đó: + Xuất khẩu	Tấn	7.000	
	+ Gạo Nội địa	Tấn	24.000	
2	Bao bì (quy chuẩn 120)	Triệu cái	11,000	
3	Mỹ nghệ	Con't	24	
4	Doanh số cơ khí	Tỷ đồng	25	
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	75.000	

**- Các giải pháp đối với các ngành hàng:**

**Mặt hàng lương thực:**

- Để đạt được kế hoạch trong năm 2020, Công ty phải tăng cường công tác tiếp thị, khai thác thị trường, đặc biệt là củng cố và phát triển thị trường gạo nội địa; đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo thị trường.

- Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, Công ty xác định thị trường nội địa là nền tảng kinh doanh bền vững và tiềm năng để tăng sản lượng, tăng hiệu quả kinh doanh trong năm 2020 và những năm tiếp, do đó cần chú trọng đẩy mạnh công tác xây dựng, tiếp cận hệ thống phân phối, cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì cho phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

- Thị trường xuất khẩu phải giữ được những thị trường, khách hàng hiện có, tìm kiếm thêm khách hàng mới và mở rộng thị trường nhiều hơn nữa để tăng sản lượng xuất khẩu.

Tìm kiếm khách hàng có đầu ra gạo xuất khẩu mạnh để quan hệ ký hợp đồng cung ứng xuất khẩu.

- Quản lý tốt chất lượng tại vùng nguyên liệu, công tác thu mua và chất lượng đầu vào, phân loại, cơ cấu hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động trong kinh doanh của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, nhân viên từ Công ty đến Xí nghiệp.

- Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp đổi mới công nghệ chế biến từ máy móc thiết bị, kho tàng, nhà xưởng nhằm ổn định chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

#### **Mặt hàng Bao bì – Mỹ nghệ:**

**Mặt hàng Mỹ nghệ:** Tập trung nghiên cứu chế tạo thiết bị, công cụ hỗ trợ, đưa vào ứng dụng sản xuất một số công đoạn thay thế cho lao động thủ công nhằm tăng năng suất lao động và giải quyết thực trạng không thu tuyển được lao động để sản xuất mặt hàng này trong nhiều năm qua. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời; quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản, tìm thêm nhà cung ứng lúa non để đảm bảo cung cấp nguyên liệu đủ cho sản xuất.

Tìm mọi biện pháp để giảm giá thành, đối với mặt hàng Mỹ nghệ như giám sát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào như lúa non rơm vàng..., tăng tỷ lệ thu hồi sảy, tận dụng tối đa nguyên vật liệu sau gia công, sơ chế để đưa vào sản xuất phù hợp với tính chất của từng sản phẩm như: giảm lúa phế, rơm phế và tận dụng lúa phế, rơm phế làm shin, tiết kiệm tối đa nguyên liệu đầu vào xem đây làm nhiệm vụ hàng đầu năm 2020 để tiết giảm chi phí cho Công ty trong điều kiện khó tăng sản lượng và chi phí mua lúa, rơm ngày càng tăng.

**Mặt hàng Bao bì:** Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị, chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu.

- Mạnh dạn đầu tư thay thế thiết bị máy dệt cũ bằng máy mới hiện đại để sản xuất sản phẩm đảm bảo đúng chất lượng, trọng lượng, giảm giá thành sản phẩm tăng tính cạnh tranh trên thương trường.

- Linh hoạt chọn thời điểm mua nguyên vật liệu với giá thấp nhất để giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Bộ phận bán hàng cần tăng cường công tác tiếp thị, quảng cáo để tăng sản lượng bán ra.

#### **Mặt hàng Cơ khí – Bê tông & VLXD:**

Mặt hàng Cơ khí: Tiếp tục duy trì sản xuất đảm bảo thu nhập ổn định cho nhân công sản xuất trực tiếp nhất là đội ngũ công nhân lành nghề. Tiếp tục cải tiến mẫu mã, nâng cao tính năng và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Chú trọng đào tạo và đào tạo lại lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất. Có chính sách tiền lương hợp lý để giữ và thu tuyển công nhân có tay nghề cao vào làm việc nhằm đảm bảo sản xuất được ổn định và đảm bảo tiến độ giao hàng. Tăng cường công tác tiếp thị chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng, đặc biệt là khách hàng truyền thống để tư vấn trong việc nâng cấp dây chuyền, thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu chất lượng gạo ngày càng cao.

**Mặt hàng Bê tông – Vật liệu xây dựng:** Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Do thị phần bị cạnh tranh gay gắt và chia nhỏ nên bộ phận bán hàng cần đẩy mạnh tiếp thị, khai thác mở rộng thêm các khu vực trong và

ngoài tình nhằm phát huy hiệu quả năng lực đầu tư và hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.

Tăng cường công tác giám sát chất lượng, quảng cáo chào bán cọc bê tông và gạch không nung nhằm mở rộng thị phần tiêu thụ, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Chú trọng đối với các công trình dân dụng và công nghiệp, đặc biệt là các công trình của nhà nước để tiếp thị bán gạch không nung.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty.**

##### **4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Nhìn chung năm 2019 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Với chi phí đầu vào liên tục được điều chỉnh tăng như: giá nguyên, nhiên vật liệu, tiền điện, tiền lương, tiền công, ... nhưng giá bán sản phẩm tăng không nhiều, thậm chí có những mặt hàng phải giảm giá để bán được hàng. Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất cùng ngành nghề ngày càng gay gắt. Công ty vừa phải phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra năm 2019, để đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống cho CBCNV - NLĐ, vừa phải đề ra những biện pháp nhằm ổn định nguồn nhân lực, tái cơ cấu lao động, nâng cao năng suất lao động, tạo một bước chuyển biến mới để phát triển Công ty ngày càng bền vững.

Với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, bằng sự chỉ đạo đúng hướng của HĐQT, sự quản lý điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của Ban Tổng giám đốc, cùng sự thống nhất, nỗ lực, quyết tâm vì mục tiêu chung của toàn thể CNV -NLĐ nên năm 2019 Công ty đã đạt 100,2% kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao, đây là thành quả của chuỗi ngày làm việc không biết mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể CNV – NLĐ Công ty đáng được biểu dương và cần phát huy hơn nữa trong năm 2020.

##### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Nhìn chung trong năm 2019 tình hình kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn:

Tình hình xuất khẩu gạo diễn biến hết sức trầm lắng do không hợp đồng tập trung, hợp đồng xuất khẩu trực tiếp do Công ty tự khai thác với số lượng bán tương đối thấp. Mặt hàng Thủ công Mỹ nghệ tuy nhu cầu của khách hàng tương đối lớn, nhưng việc thiếu hụt công nhân có tay nghề ngày càng nhiều, giá lúa non, rơm khô tăng và việc thu mua ngày càng khó do thiếu hụt lao động đã làm cho sản lượng và tiến độ giao hàng chưa đạt theo yêu cầu; mặt hàng Bê tông tươi thì cạnh tranh gay gắt về giá cả và thiếu lành mạnh về chất lượng bởi các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề. Ngành hàng bao bì chịu ảnh hưởng rất lớn từ thị trường xuất khẩu gạo trong nước. Mặt hàng Cơ khí trong năm 2019 có được những đơn hàng lớn nhưng lực lượng công nhân tại xưởng đã giảm nhiều, tạo áp lực rất lớn làm sao phải bảo đảm tiến độ công trình đã cam kết.

Đứng trước những khó khăn trên nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2019, thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cũng như các quy

định của pháp luật và kinh doanh có hiệu quả, tạo được việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

#### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.**

Năm 2020, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và quyền lợi của cổ đông;

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2020 nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 và các năm tiếp theo và phấn đấu đạt mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của toàn Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo công tác quản trị rủi ro của toàn Công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho.

- Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Đổi mới chính sách tiền lương, thưởng, chính sách nhân viên, cơ chế phân cấp phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ và cử cán bộ đi học nâng cao nghiệp vụ;

- Quan tâm, chia sẻ hài hòa và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông và của người lao động trong Công ty;

### **V. Quản trị Công ty**

#### **5.1. Hội đồng quản trị**

##### **5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

Từ ngày 1/1/2019 đến 11/6/2019

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 03 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Lê Văn Lộc            Ủy viên

Ông Lê Hoàng Nhữ       Ủy viên

+ 03 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt   Chủ tịch

Ông Lê Trường Sơn      Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền   Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

Từ ngày 12/6/2019 đến 31/12/2019

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 04 thành viên trực tiếp điều hành và 01 thành viên độc lập.



+ 01 thành viên độc lập:

Ông Võ Hùng Dũng Ủy viên

+ 04 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Nguyễn Văn Kiệt Chủ tịch

Bà Nguyễn Thị Hoài Ủy viên

Ông Lê Trường Sơn Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Bình Hiền Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2019 đến ngày 11/6/2019.

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.493.220	23,132%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 23%
Ông Lê Trường Sơn	2.185.239	20,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Nguyễn Bình Hiền	1.868.608	17,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 17%
Ông Lê Hoàng Nhữ	-	-	
Ông Lê Văn Lộc	41.360	0,384%	Trong đó vốn cá nhân 0,384%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.588.427</b>	<b>61,128%</b>	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.189.411 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,872% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT từ ngày 12/06/2019 đến ngày 31/12/2019.

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.169.880	20,133%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
Ông Lê Trường Sơn	1.107.439	10,275%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 10%
Ông Nguyễn Bình Hiền	1.114.148	10,337%	Trong đó đại diện vốn nhà nước 10%
Ông Võ Hùng Dũng	-	-	
Bà Nguyễn Thị Hoài	2.155.600	20%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%

Họ và tên	Số lượng CP	Tỷ lệ	Ghi chú
Ông Nguyễn Văn Kiệt	2.169.880	20,133%	Trong đó đại diện vốn nhà nước là 20%
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.547.067</b>	<b>60,745%</b>	

Cổ phần thuộc vốn tập thể và cá nhân khác 4.231.313 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,255% vốn điều lệ.

### 5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT

a. Từ 1/1/2019 đến ngày 11/06/2019

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	4/4	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	4/4	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiễn	UV HĐQT-PTGD	4/4	100 %	
4	Lê Văn Lộc	UV HĐQT	4/4	100 %	
5	Lê Hoàng Nhữ	UV HĐQT	4/4	100 %	

b. Từ 12/06/2019 đến ngày 31/12/2019

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	3/3	100 %	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGD	3/3	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiễn	UV HĐQT-PTGD	3/3	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	3/3	100 %	
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	3/3	100 %	

### 5.1.3. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2018 và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

## 5.2. Ban kiểm soát

### 5.2.1. Thành viên Ban kiểm soát:

Từ 01/01/2019 đến 11/06/2019

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Võ Văn Lệt	TBKS	538	0.005	
2	Bà Nguyễn Thị Bảy	TV BKS	1.538	0,0142	
3	Bà Trần Thị Yên	TV BKS	52.812	0,49	

Từ 12/06/2019 đến 31/12/2019

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Bà Hoàng Thị Liên	TBKS	20.208	0,187	
2	Bà Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	0	0	
3	Ông Trần Vĩnh Thanh	TV BKS	0	0	

### 5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng

tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2019.

Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2019, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2019. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### 5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/BanKiểm soát.

#### 5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (người/tháng):

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

#### 5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Nguyễn Văn Cho	PTGD	269	0,0025	369	0,0034	Mua khớp lệnh qua sàn

## VI. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán được đăng tải trên website [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn), trang thông tin cổ đông)

### 6.1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn A&C. Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán

Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp - Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>129.871.579.193</b>	<b>117.970.017.448</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.564.316.399</b>	<b>1.575.070.024</b>
1. Tiền	111		5.564.316.399	1.575.070.024
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.210.550.636</b>	<b>42.934.718.513</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	34.693.748.930	42.963.785.435
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.574.223.500	7.602.103.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	521.064.881	37.770.253
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(8.578.486.675)	(7.668.940.675)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>90.096.712.158</b>	<b>73.327.687.730</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	90.096.712.158	73.327.687.730
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>132.541.181</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	132.541.181
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.235.661.184</b>	<b>57.155.501.949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>90.200.000</b>	<b>90.200.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	90.200.000	90.200.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.592.211.984</b>	<b>51.753.841.204</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	45.592.211.984	51.753.841.204
- Nguyên giá	222		114.962.353.393	115.201.515.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.370.141.409)	(63.447.674.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		737.803.229	737.803.229
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(737.803.229)	(737.803.229)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.553.249.200</b>	<b>5.311.460.745</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	4.410.360.967	5.021.110.927
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.142.888.233	290.349.818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181.107.240.377</b>	<b>175.125.519.397</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>62.264.972.331</b>	<b>57.469.977.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>61.901.972.331</b>	<b>56.842.977.069</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.576.986.945	17.951.962.001
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	7.910.779.130	8.448.723.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.566.345.444	980.964.402
4. Phải trả người lao động	314	V.14	3.255.669.586	2.185.284.134
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	217.450.355	90.609.256
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	841.199.728	536.119.970
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	35.842.829.574	25.298.461.055
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	374.811.909	240.808.679
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	315.899.660	1.110.044.073
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>363.000.000</b>	<b>627.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	363.000.000	627.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>118.842.268.046</b>	<b>117.655.542.328</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>118.842.268.046</b>	<b>117.655.542.328</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.778.380.000	107.778.380.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	(31.818.182)	(31.818.182)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	965.585.066	4.118.066
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	10.130.121.162	9.904.862.444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.349.660	9.904.862.444
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.114.771.502	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>181.107.240.377</b>	<b>175.125.519.397</b>

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Phụng  
Người lập



Trần Thị Phụng  
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

**-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	416.778.843.656	547.585.505.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	65.674.502	84.913.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		416.713.169.154	547.500.591.932
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	362.931.245.110	492.228.486.048
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.781.924.044	55.272.105.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	247.424.075	275.843.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.426.862.296	3.227.444.248
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.393.004.865	3.198.143.316
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	14.916.230.697	18.215.433.790
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.034.962.897	23.301.796.662
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.651.292.229	10.803.274.492
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.324.079.549	1.834.117.216
12. Chi phí khác	32	VI.9	155.000.000	115.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		1.169.079.549	1.719.117.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.820.371.778	12.522.391.708
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	2.595.200.276	2.511.074.402
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.225.171.502</u>	<u>10.011.317.306</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>775</u>	<u>758</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>775</u>	<u>758</u>



Nguyễn Thị Thanh Phụng  
Người lập



Trần Thị Phương  
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018 (Theo phương pháp trực tiếp)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		444.534.746.109	588.939.590.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(384.476.220.854)	(525.274.791.905)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.316.540.898)	(40.962.060.751)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(4.393.004.865)	(3.198.143.316)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(2.501.074.402)	(2.030.215.022)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.649.155.463	16.962.580.899
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.588.597.813)	(44.549.148.889)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<u><i>1.908.462.740</i></u>	<u><i>(10.112.188.322)</i></u>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.10	(1.552.552.600)	(3.577.765.431)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.8	252.596.364	227.000.001
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	35.994.926	81.548.787
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<u><i>(1.263.961.310)</i></u>	<u><i>(3.269.216.643)</i></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP - CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM**

Địa chỉ: Số 29, Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP. Tân An, Tỉnh Long An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	329.597.952.568	371.281.117.006
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(319.053.584.049)	(352.655.411.747)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(7.199.595.784)	(8.040.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.344.772.735</b>	<b>10.585.705.259</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.989.274.165</b>	<b>(2.795.699.706)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.575.070.024</b>	<b>4.370.769.730</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(27.790)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>5.564.316.399</b>	<b>1.575.070.024</b>

Long An, ngày 29 tháng 02 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Phụng  
Người lập



Trần Thị Phương  
Kế toán trưởng



Lê Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



Trên đây là báo cáo thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Kiệt